

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ HỒNG TUẤN

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP
TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH KHÁNH HÒA

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 60.34.20

TÓM DOANH TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH

Đà Nẵng - Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS VÕ THỊ THÚY ANH**

- Phản biện 1: **TS. HỒ HỮU TIẾN**
- Phản biện 2: **GS.TS. DƯƠNG THỊ BÌNH MINH**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 28 tháng 9 năm 2013

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin Học liệu - Đại Học Đà Nẵng
- Thư viện Trường Đại học kinh tế - Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hoạt động của các NHTM Việt Nam nói chung những năm qua phát triển mạnh mẽ, hỗ trợ đà phát triển kinh tế ấn tượng của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế cũng chứng minh nền kinh tế vẫn bị tác động tiêu cực, thậm chí đi đến khủng hoảng nếu hệ thống ngân hàng hoạt động thiếu kiểm soát, không đánh giá đúng và đủ các dạng rủi ro tiềm ẩn, như trường hợp ví dụ điển hình là Thái Lan và gần đây là Mỹ.

Đặc trưng của hệ thống NHTM Việt Nam là tỷ trọng thu nhập và rủi ro từ hoạt động tín dụng chiếm trên 70% trong tổng hoạt động của ngân hàng. Đặc biệt trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, kinh tế phát triển nhanh chóng, hoạt động tín dụng gia tăng mạnh mẽ, thì rủi ro tín dụng(RRTD) càng phức tạp hơn về nguyên nhân, hình thức và phạm vi tác động. Do đó, để bảo đảm an toàn tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, hội nhập kinh tế quốc tế thành công, NHTM phải có phương pháp quản trị tốt rủi ro tín dụng ngân hàng.

Trong các năm 2001-2012, tỷ lệ nợ xấu của các NHTM Việt Nam nói chung và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa (BIDV Khánh Hòa) nói riêng có dấu hiệu tăng cao. Vậy đâu là nguyên nhân, làm thế nào để nâng cao chất lượng QTRR tín dụng trong hoạt động của các ngân hàng. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Khánh Hòa với chức năng là một ngân hàng hoạt động trong lĩnh vực cho vay, tài trợ, huy động vốn... thì vấn đề phòng ngừa và hạn chế rủi ro là rất quan trọng. Đây là một vấn đề được Ban lãnh đạo BIDV Khánh Hòa đặc biệt quan tâm.

Các doanh nghiệp tại Việt Nam những năm qua phát triển

năng động, mạnh mẽ cả về chất lẫn về lượng, đóng góp ngày càng to lớn cho nền kinh tế quốc dân. Với những đặc điểm riêng có về quy mô, cách thức hoạt động phù hợp với khả năng quản lý và định hướng hoạt động của BIDV Khánh Hòa nên các doanh nghiệp được tập trung đầu tư tín dụng và trở thành đối tượng khách hàng chủ đạo.

Thông qua kết quả điều tra tổng hợp tại ngân hàng có 100% ý kiến cho rằng vấn đề cấp thiết cần giải quyết tại ngân hàng là nghiên cứu và tìm ra những giải pháp Quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp bởi hoạt động tín dụng doanh nghiệp mang lại nhiều rủi ro lớn trong hoạt động tín dụng ngân hàng. Vì vậy hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa là nhu cầu cần thiết cấp bách.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Thứ nhất: Hệ thống hóa các lý thuyết liên quan đến quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại các NHTM.

Thứ hai: Nghiên cứu khảo sát thực trạng quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa. Từ đó tìm ra các nguyên nhân dẫn đến RRTD trong thời gian qua.

Thứ ba: Trên cơ sở những hạn chế và nguyên nhân đó, đề xuất các giải pháp toàn diện phù hợp với tình hình hoạt động của BIDV Khánh Hòa trong công tác quản trị RRTD DN theo thông lệ quốc tế và rút ngắn thời gian hội nhập.

3. Đối tượng và Phạm vi nghiên cứu

+ Đối tượng nghiên cứu:

Toàn bộ lý luận và thực tiễn liên quan đến vấn đề quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp trong các ngân hàng thương mại.

+ Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận văn chỉ nghiên cứu hoạt động quản trị rủi

ro tín dụng doanh nghiệp, không bao gồm các loại rủi ro khác trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- *Về không gian*: Đề tài được thực hiện nghiên cứu tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa.

- *Về thời gian*: Đề tài tập trung nghiên cứu và phân tích trong 3 năm 2010 đến 2012 và đề xuất giải pháp cho những năm tới.

4. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp phân tích, thống kê, tổng hợp, so sánh,... Các kết luận và giải pháp đề xuất được đúc kết từ quá trình thu thập, tổng hợp thông tin, tư liệu trong thực tế công tác. Qua đó, đối chiếu với cơ sở lý luận để làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu. Quá trình nghiên cứu đảm bảo tính khách quan, toàn diện, có hệ thống và tổng hợp.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

+ Đối với công tác quản lý ngân hàng của Nhà nước: kết quả nghiên cứu của đề tài là một tư liệu để Nhà nước hoàn thiện hơn các chính sách, các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động tín dụng doanh nghiệp của các NHTM và có những biện pháp giám sát thích hợp đối với NHTM về hoạt động tín dụng và rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

+ Đối với BIDV Khánh Hòa: Giúp Chi nhánh soi rọi lại các tồn tại, yếu kém và nguyên nhân gây ra yếu kém trong công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của mình. Các kiến nghị của đề tài có ý nghĩa đối BIDV Khánh Hòa nói riêng và của BIDV nói chung trong công việc kiểm soát và hạn chế rủi ro tín dụng doanh nghiệp.

+ Đối với các nghiên cứu tiếp theo: kết quả của đề tài góp phần thêm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu về rủi ro và quản lý rủi

ro đối với hoạt động tín dụng doanh nghiệp của các ngân hàng thương mại.

6. Cấu trúc luận văn

A. Phần mở đầu: Giới thiệu ý nghĩa, mục tiêu, đối tượng, phạm vi, phương pháp nghiên cứu, cấu trúc luận văn và tổng quan về tài liệu nghiên cứu.

B. Phần nội dung, bao gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa.

Chương 3: Các kết luận và một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hoạt động quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa.

C. Phần kết luận:

Một số vấn đề rút ra sau quá trình nghiên cứu và những điểm mới của nghiên cứu.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1 TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm tín dụng

Tín dụng là hoạt động theo đó NHTM chuyển một lượng tiền cho khách hàng với điều kiện khách hàng hoàn trả cả gốc và lãi đúng hạn theo cam kết trong hợp đồng tín dụng.

1.1.2. Khái niệm doanh nghiệp

Doanh nghiệp là một chủ thể kinh tế tiến hành các hoạt động kinh tế theo một kế hoạch nhất định nhằm mục đích kiếm lợi nhuận.

1.1.3. Vai trò của tín dụng ngân hàng đối với doanh nghiệp

- Tín dụng ngân hàng (TDNH) là công cụ tích tụ tập trung vốn hỗ trợ cho các DN.

- TDNH góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các DN
- TDNH góp phần hình thành cơ cấu vốn tối ưu cho DN
- TDNH góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của DN

1.1.4. Phân loại tín dụng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

- Căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay.
- Căn cứ vào thời hạn tín dụng.
- Căn cứ vào mức độ tín nhiệm của khách hàng.
- Căn cứ vào phương thức hoàn trả nợ vay.
- Căn cứ vào chủ thể tham gia quan hệ vay vốn.

1.2 RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Khái niệm rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro về sự tổn thất tài chính (trực tiếp hoặc

gián tiếp) xuất phát từ người đi vay không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn cho ngân hàng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.

1.2.2. Phân loại rủi ro tín dụng

- Căn cứ vào phân loại theo tính khách quan, chủ quan .
- Căn cứ vào nguyên nhân phát sinh rủi ro thì RRTD bao gồm rủi ro giao dịch và rủi ro danh mục.
- Căn cứ vào cấp độ rủi ro: Rủi ro động vốn và rủi ro mất vốn.

1.2.3. Đặc điểm của rủi ro tín dụng

- RRTD mang tính chất gián tiếp
- RRTD mang tính tất yếu
- RRTD có khả năng tạo phản ứng dây chuyền

1.2.4. Nguyên nhân rủi ro tín dụng

❖ Nguyên nhân chủ quan

+ Nguyên nhân từ phía Ngân hàng:

- Sự lơ là trong quá trình kiểm tra, giám sát sau khi cho vay
- Quá tin tưởng vào tài sản thế chấp, bảo lãnh, bảo hiểm coi đó là vật chất đảm bảo chắc chắn cho sự thu hồi nợ gốc và lãi tiền vay.
- Ngân hàng vi phạm các nguyên tắc trong cho vay, cho vay vượt tỷ lệ an toàn, hoặc thiếu tài sản thế chấp, cầm cố.

+ Nguyên nhân từ phía khách hàng

- Bị mất năng lực pháp lý
- Năng lực chuyên môn và uy tín lãnh đạo của doanh nghiệp bị giảm thấp, đạo đức nghề nghiệp yếu kém...
- Do sử dụng vốn sai mục đích
- Do quá trình hội nhập kinh tế quốc tế
- Do doanh nghiệp không mua bảo hiểm .
- Sự thay đổi trong chính sách của nhà nước

❖ Nguyên nhân khách quan

Có thể xuất phát từ môi trường kinh tế, môi trường pháp lý.

1.3. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI NHTM

1.3.1. Khái niệm quản trị rủi ro tín dụng

Quản trị RRTD là quá trình xây dựng và thực thi các chiến lược, chính sách quản lý và kinh doanh tín dụng nhằm tối đa hóa lợi ích trong phạm vi mức độ rủi ro có thể chấp nhận.

1.3.2. Vai trò của quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

+ Nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế rủi ro, giảm thiệt hại cho ngân hàng

+ Tạo sự an toàn, ổn định trong kinh doanh

+ Nâng cao lợi thế cạnh tranh của ngân hàng

1.3.3. Những nguyên tắc cơ bản của quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

+ Nguyên tắc chấp nhận rủi ro.

+ Nguyên tắc quản lý độc lập các loại rủi ro riêng biệt.

+ Nguyên tắc phù hợp giữa mức độ rủi ro cho phép và mức độ thu nhập.

+ Nguyên tắc chuyển đẩy các loại rủi ro không cho phép.

1.3.4. Tổ chức quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Công tác quản trị rủi ro tín dụng cần hướng tới những nội dung cụ thể sau:

+ Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro tín dụng phù hợp với hoạt động kinh doanh .

+ Thiết lập các mục tiêu hoạt động tín dụng, quản trị danh mục cho vay.

+ Xác định nguồn lực cho việc thực hiện các mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng của ngân hàng.

+ Bố trí, phân bổ các nguồn lực lãnh đạo, quản lý vào các khâu quản trị rủi ro tín dụng.

1.3.5. Nội dung của công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Với cách tiếp cận quản trị rủi ro như phần nêu trên, nội dung chính của hoạt động quản trị rủi ro tín dụng cũng sẽ gồm có 4 bước là: Nhận diện rủi ro tín dụng; đo lường rủi ro tín dụng; kiểm soát rủi ro tín dụng; tài trợ rủi ro tín dụng.

a. Nhận diện rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Nhận diện rủi ro tín dụng doanh nghiệp là quá trình xác định liên tục và có hệ thống. Có các phương pháp nhận diện rủi ro sau:

- + Phương pháp bảng liệt kê;
- + Phương pháp phân tích tài chính;
- + Phương pháp lưu đồ;
- + Phương pháp nghiên cứu các số liệu tổn thất trong quá khứ.

b. Đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Đo lường rủi ro tín dụng là việc xây dựng mô hình thích hợp để lượng hoá mức độ các rủi ro cũng như biết được xác suất xảy ra rủi ro, mức độ tổn thất khi rủi ro xảy ra để xem xét khả năng chấp nhận nó của ngân hàng. *Các mô hình đo lường rủi ro tín dụng được phát triển theo 2 hướng: đo lường rủi ro tín dụng riêng biệt và đo lường rủi ro danh mục cho vay.*

c. Kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Kiểm soát rủi ro là việc sử dụng các biện pháp, kỹ thuật, công cụ, chiến lược và những quá trình nhằm biến đổi rủi ro của một tổ chức thông qua việc né tránh, ngăn ngừa, giảm thiểu bằng cách kiểm soát tần suất và mức độ rủi ro, tổn thất hoặc lợi ích

d. Tài trợ rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Là việc sử dụng những kỹ thuật, công cụ để tài trợ cho chi phí của rủi ro và tổn thất. Trong quản trị rủi ro tín dụng, các ngân hàng thường dùng phổ biến một số công cụ:

- Bù đắp tổn thất bằng quỹ dự phòng rủi ro
- Bán nợ : Hoạt động bán nợ gồm hai loại chính : *Bán nợ tham gia* (Participation loan) và *chuyển nhượng nợ* (assignment)
- Hợp đồng trao đổi tín dụng (Credit swap)
- Hợp đồng quyền tín dụng (Credit option)

1.3.6. Các chỉ tiêu đánh giá kết quả công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

a. Mức giảm nợ quá hạn

b. Mức giảm nợ xấu

c. Mức giảm dự phòng rủi ro tín dụng:

d. Tỷ lệ xoá nợ ròng

1.3.7 Các nhân tố ảnh hưởng đến quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của Ngân hàng thương mại

+ *Các nhân tố chủ quan*

- Trình độ và nhận thức của các cán bộ quản trị rủi ro tín dụng.
- Hệ thống thông tin đánh giá khách hàng và quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của ngân hàng

- Chiến lược khách hàng của ngân hàng

- Mức độ phức tạp của hoạt động ngân hàng.

+ *Các nhân tố khách quan*

- Do môi trường pháp lý chưa đầy đủ chặt chẽ, các quy định còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Các thay đổi trong các chính sách kinh tế vĩ mô

- Do các biến động bất thường về tỷ giá hối đoái, lãi suất...ngoài tầm kiểm soát của ngân hàng.

- Hệ thống thông tin về các doanh nghiệp do các cơ quan khác cung cấp không chính xác, trung thực.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

2.1. GIỚI THIỆU VỀ BIDV Khánh Hòa

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Ngày 30/3/1976 Chi nhánh Ngân hàng Kiến thiết tỉnh Phú Khánh (tiền thân của BIDV Khánh Hòa) ra đời.

- Từ ngày 01/01/1995 BIDV Khánh Hòa được chính thức chuyển sang kinh doanh thương mại.

- Từ tháng 5/2012 BIDV đã được cổ phần hóa.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức của BIDV Khánh Hòa

Mô hình tổ chức hệ thống BIDV đã dần được hoàn thiện theo mục tiêu chuyển đổi từ mô hình ngân hàng truyền thống sang mô hình ngân hàng hiện đại, đa năng. Hiện tại mô hình tổ chức BIDV Khánh Hòa gồm 17 phòng ban và 1 quỹ tiết kiệm được phân bổ làm 5 khối. Về cơ bản đã phân tách về mặt tổ chức giữa khối kinh doanh, khối quản lý rủi ro và khối tác nghiệp.

2.1.3. Khái quát hoạt động kinh doanh kinh doanh của BIDV Khánh Hòa trong giai đoạn 2010-2012

- Tổng tài sản đến 31/12/2012 đạt 3.997 tỷ, tăng 1.49 lần so với năm 2011 và tăng trưởng bình quân giai đoạn này là 33%.

- Huy động vốn 2012 so với 2010 tăng 1.649 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân đạt 18%.

- Dự nợ tín dụng đến ngày 31/12/2012 đạt 2.598 tỷ đồng, tăng 549 tỷ đồng so với năm 2010.

- Cơ cấu tín dụng đã được chuyển dịch theo đúng định hướng: giảm tỷ trọng dư nợ trung dài hạn

- Chất lượng tín dụng mặc dù những có dấu hiệu bùng phát nhưng vẫn nằm trong kiểm soát.

- Kết quả kinh doanh qua các năm đạt tốc độ tăng trưởng tương đối tốt với mức tăng trưởng bình quân lợi nhuận trước thuế 35%/năm.

2.2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TẠI TỈNH KHÁNH HÒA

2.2.1. Đánh giá toàn bộ hoạt động doanh nghiệp tại địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Dư nợ cho vay doanh nghiệp tại địa bàn tính đến 31/12/2012 đạt 13.301 tỷ đồng, giảm 1.2% tương ứng giảm 162 tỷ đồng, chiếm 64.93% tổng dư nợ cho vay toàn địa bàn. Trong đó:

- Dự nợ cho vay phục vụ xuất khẩu đạt 2.591 tỷ đồng, so với đầu năm giảm 269 tỷ đồng tương ứng giảm 9.4%, chiếm 12.65% dư nợ toàn tỉnh.

- Dự nợ cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa đạt 7.343 tỷ đồng, chiếm 55.2% dư nợ cho vay doanh nghiệp và so với đầu năm giảm 373 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 4.8%.

- Dự nợ cho vay nông nghiệp và nông thôn: đạt 3.023 tỷ đồng, so với đầu năm tăng 244 tỷ đồng tương ứng tăng 8.78%, chiếm 14.76% tổng dư nợ.

2.2.2. Đánh giá về cơ chế chính sách có tác động đến hoạt động doanh nghiệp tại địa bàn

Nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp

cận nguồn vốn vay ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp hiệu quả:

- Liên tục điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi .

- Chỉ đạo các TCTD tập trung vốn cho các lĩnh vực ưu tiên nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh hàng xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, ...

2.3. THỰC TRẠNG RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

2.3.1. Tình hình rủi ro tín dụng doanh nghiệp nói chung

Bảng 2.2. Tình hình dư nợ tín dụng và rủi ro tín dụng doanh nghiệp qua các năm 2010-2012

Chi tiêu	2010	2011	2012	Tăng trưởng	
				11/10	12/11
1. Dư nợ nội bảng doanh nghiệp	1,689	1,873	2,181	10.9%	16.5%
-Dư nợ quá hạn	56	49	102	-12.6%	107.7%
Tỷ lệ nợ quá hạn	3.3%	2.6%	4.67%	-21.2%	78.3%
-Dư nợ nhóm 1	1,633	1,817	2,079	11.3%	14.4%
Tỷ lệ nhóm 1	97%	97%	95%	0.4%	-1.8%
-Dư nợ nhóm 2	52.0	48.4	77.7	-6.9%	60.6%
Tỷ lệ nợ nhóm 2	3%	3%	4%	-16.0%	37.9%
- Dư nợ xấu nội bảng (nhóm 3, 4,5)	4.1	7.2	24.1	76.1%	233.4%
Tỷ lệ nợ xấu	0.2%	0.4%	1.1%	58.9%	186.3%
2. Dư nợ xấu ngoại bảng doanh nghiệp (dư nợ đã xử lý bằng nguồn DPRR)	182.5	189.5	168.7	3.8%	-11.0%

2.3.2. Tình hình rủi ro tín dụng doanh nghiệp theo thời hạn cho vay

2.3.3. Tình hình rủi ro tín dụng doanh nghiệp theo ngành

Nợ quá hạn và nợ xấu của Chi nhánh chủ yếu tập trung ở một số lĩnh vực cụ thể đó là thương mại và dịch vụ, sản xuất và bất động sản.

+ Đối với lĩnh vực thương mại và dịch vụ: NQH, nợ xấu của Chi nhánh chủ yếu phát sinh từ nguyên nhân khách hàng vay vốn bổ sung vốn lưu động, mua hàng hóa kinh doanh.

+ Đối với lĩnh vực Bất động sản: xuất phát từ việc khách hàng sử dụng vốn sai mục đích, vay vốn kinh doanh để đầu tư vào bất động sản và được Chi nhánh cơ cấu lại nợ chuyển sang cho vay bất động sản.

+ Đối với lĩnh vực sản xuất và một số lĩnh vực còn lại của Chi nhánh chiếm tỷ trọng khá nhỏ nhưng cũng đang có dấu hiệu tăng cao xuất phát từ rất nhiều nguyên nhân cả chủ quan lẫn khách quan.

2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

2.4.1. Công tác tổ chức quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa

- Chính sách quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp.
- Chính sách tín dụng trong cho vay doanh nghiệp
- Mô hình phán quyết cấp tín dụng doanh nghiệp
- Hệ thống công nghệ thông tin

2.4.2. Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa

a. Công tác nhận diện rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Công tác nhận diện rủi ro tín dụng DN của BIDV Khánh Hòa được thực hiện dựa trên cơ sở kết hợp một số phương pháp nhận diện RRTD thường được sử dụng như phương pháp phân tích tài chính, phương pháp nghiên cứu các số liệu tổn thất trong quá khứ, phương

pháp đánh giá hiểm họa RRTD, phương pháp giao tiếp với nội bộ tổ chức.

b. Đo lường và đánh giá rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Việc đánh giá RRTD tại BIDV Khánh Hòa được thực hiện thông qua hoạt động xếp hạng tín dụng khách hàng và quá trình phân tích, thẩm định khoản vay

Các tiêu chí, chỉ tiêu phân tích, thẩm định khoản vay đang được BIDV áp dụng đó là:

+ 8C (Tính cách người đi vay – Character; tư cách người đi vay – Capacity; Khả năng trả nợ - Capability; Dòng tiền – Cash flow; vốn – Capital; điều kiện hoạt động – Condition; Tài sản chung: Collectivity; Tài sản đảm bảo – Collateral).

+ Thông tin khách hàng; Tình trạng tài khoản.

+ Quan hệ với ngân hàng.

+ Mục đích khoản vay.

c. Kiểm soát rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động kiểm soát RRTD DN tại BIDV Khánh Hòa được thực hiện thông qua việc kết hợp các biện pháp như.

- *Né tránh rủi ro*: Chi nhánh đã từ chối cấp tín dụng như không có phương án sử dụng vốn rõ ràng, hiệu quả; có lịch sử nợ xấu; không có biện pháp bảo đảm phù hợp;

- *Giảm thiểu rủi ro*: Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên đối với khoản vay/khách hàng .

- *Chuyển giao rủi ro*: Chi nhánh chỉ mới thực hiện chuyển giao RRTD thông qua việc mua bảo hiểm tài sản; .

- *Chấp nhận rủi ro*: thực hiện cho vay phân tán, đa dạng về loại hình, lĩnh vực hoạt động nên ngoài những nỗ lực, biện pháp kiểm soát, phòng ngừa rủi ro,

d. Tài trợ rủi ro tín dụng doanh nghiệp

Hoạt động chính chỉ mới chú ý đến tác nghiệp xử lý, bù đắp rủi ro, còn việc xây dựng các phương án dự phòng, tạo nguồn tài trợ rủi ro là chưa có, hoặc chưa chú trọng.

2.4.3. Đánh giá công tác quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp của BIDV Khánh Hòa

Hiệu quả công tác quản trị rủi ro tín dụng tại BIDV Khánh Hòa được thể hiện qua các chỉ số mức giảm tỷ lệ nợ xấu, mức giảm tỷ lệ nợ xóa ròng và mức giảm tỷ lệ trích lập DPRR tín dụng DN ở bảng 2.10

Bảng 2.10. Hiệu quả quản trị rủi ro tín dụng DN

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Mức giảm	
				11/10	12/11
Tỷ lệ nợ quá hạn	3.3%	2.6%	4.67%	-0.7%	2.07%
Tỷ lệ nợ xấu	0.2%	0.4%	14.1%	0.2%	0.7%
Tỷ lệ xóa nợ ròng	0.37%	0.59%	1.33%	0.2%	0.7%
Tỷ lệ trích lập dự phòng	1.33%	1.42%	1.39%	0.1%	0.0%

2.5. CÁC KẾT LUẬN QUA NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

2.5.1. Những kết quả đạt được

- Luôn chú trọng công tác đào tạo và nâng cao trình độ đối với đội ngũ CBQHKH, CBQLRRTD của ngân hàng.

- Đã tổ chức một bộ máy quản lý tín dụng rõ ràng như chia tách khối tín dụng thành 2 phòng khách hàng đặc thù là cá nhân và DN; Phòng Quản trị tín dụng và phòng quản lý rủi ro.

- Chính sách tín dụng của BIDV được xây dựng chặt chẽ, khoa học.

- Hệ thống phân quyền phán quyết tín dụng doanh nghiệp được phân bổ hạn mức phán quyết cho từng cấp theo quy mô hoạt động tín dụng và đặc điểm quản lý của mỗi đơn vị kinh doanh.

2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân

a. Hạn chế

- Tập trung chủ yếu là cho vay các dự án trung và dài hạn.
- Cơ cấu tổ chức QTRR tín dụng chưa hoàn thiện.
- Về cơ chế phân cấp ủy quyền phán quyết: chưa xây dựng được hạn mức phê duyệt tín dụng đối với từng DN cụ thể .
- Về tài sản bảo đảm: chưa đa dạng và linh hoạt.
- Về đo lường rủi ro khách hàng: chỉ có Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để đánh giá rủi ro khách hàng
- Về công tác kiểm tra, giám sát trong và sau cho vay chưa có hiệu quả.

a. Nguyên nhân

** Nguyên nhân chủ quan*

+ Đối với ngân hàng

- Ban lãnh đạo chưa thực sự xây dựng được các tiêu chuẩn chặt chẽ và đúng mức về chất lượng tín dụng.
- Nguồn nhân lực tham gia công tác tín dụng còn một số hạn chế.
- Việc CBQHKH nắm giữ khối lượng công việc quá lớn.
- Thông tin tín dụng phòng ngừa rủi ro chưa được cập nhật đầy đủ.
- Công tác giám sát sau khi cho vay chưa hiệu quả.
- Ngân hàng quá chú trọng vào tài sản đảm bảo nợ vay, xem như đây là một giải pháp an toàn khi cho vay.

- Công tác kiểm tra nội bộ chưa được chú trọng.
- + *Về phía khách hàng doanh nghiệp*
- Sử dụng vốn sai mục đích, không có thiện chí trong việc trả nợ vay: .
 - Tình hình tài chính DN yếu kém, thiếu minh bạch
 - Một số khách hàng không có thiện chí trả nợ mặc dù hoạt động kinh doanh có hiệu quả, làm mất uy tín trong kinh doanh.
- * *Nguyên nhân khách quan*
- Chi nhánh hoạt động trong điều kiện hệ thống pháp lí nước ta vừa thiếu ổn định.
- Môi trường kinh doanh luôn thay đổi và chưa hoàn thiện .
- Hệ thống thông tin quản lý (CIC) còn nhiều bất cập

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RRTD DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

3.1. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP VÀ QUAN ĐIỂM QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác tín dụng doanh nghiệp.

- Mở rộng tín dụng trên cơ sở an toàn và hiệu quả.

- Phân tán rủi ro trong danh mục đầu tư tín dụng

- Có chính sách khách hàng phù hợp với hiệu quả mang lại.

- Thành lập tổ chuyên thu nợ và dùng cho DN vay thêm nếu có nguy cơ phát sinh nợ xấu.

- Phát triển chính sách thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP TẠI BIDV KHÁNH HÒA

3.2.1 Nhóm giải pháp xây dựng và hoàn thiện chính sách tín dụng doanh nghiệp

❖ Chính sách khách hàng:

- Phân loại KH dựa vào các tiêu chí cả về quá khứ, hiện tại lẫn dự phòng trong tương lai.

- Xây dựng chính sách giá khép kín, đồng bộ các sản phẩm, dịch vụ của BIDV.

❖ Thiết lập một danh mục cho vay hợp lý

- Tập trung vào nhóm khách hàng kinh doanh các mặt hàng được nhà nước khuyến khích.

- Ưu tiên cho vay các doanh nghiệp có trụ sở chính tại địa bàn hoạt động gần Chi nhánh.

- Cụ thể hóa tiêu chí phân nhóm khách hàng

- Nghiêm khắc với tiêu cực tín dụng, gây rủi ro cho NH khi cho vay.

❖ Chính sách lãi suất: có chính sách lãi suất ưu đãi linh hoạt cho từng khách hàng.

❖ Sản phẩm tín dụng: đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng lựa chọn và áp dụng các sản phẩm tín dụng ít rủi ro (chiết khấu, bao thanh toán).

3.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi quy trình tín dụng, quy trình quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp tại BIDV Khánh Hòa

a. Quy trình tín dụng doanh nghiệp

❖ Giai đoạn tiếp nhận hồ sơ: khai thác tất cả các nguồn thông tin để tìm hiểu KH, ví dụ như các thông tin từ các chứng từ KH cung cấp, thông tin từ nội bộ, từ các cơ quan có liên quan (cơ quan thuế, CIC ...), từ đối thủ cạnh tranh ...

❖ Giai đoạn thẩm định hồ sơ vay:

- Thẩm định phương án vay vốn và khả năng trả nợ của KH

- Thẩm định tài sản đảm bảo

❖ Giai đoạn phê duyệt hồ sơ vay:

- Minh bạch hóa và nâng cao vai trò, tính cần trọng trong phê duyệt của Hội đồng tín dụng.

- Đối với các hồ sơ lớn, độ phức tạp và rủi ro cao, Cấp phê duyệt nên có thời gian nghiên cứu hồ sơ, đưa ra các biện pháp nhằm hạn chế RRTD ngay từ đầu.

❖ Giai đoạn kiểm tra sau cho vay

- Kiểm tra sau cho vay bao gồm: kiểm tra tình hình tài chính, sử dụng vốn đúng mục đích và kiểm tra về tài sản đảm bảo.

- Xây dựng chương trình theo dõi điều kiện giải ngân.

b. Quản trị rủi ro tín dụng doanh nghiệp

❖ Nhận diện và phân loại rủi ro tín dụng doanh nghiệp:

- Xây dựng một hệ thống cảnh báo sớm liên quan đến các dấu hiệu của KH và thị trường.

- Thu thập thông tin trên CIC định kỳ 3 hoặc 6 tháng tùy từng đối tượng khách hàng.

❖ Thành lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô.

❖ - Thiết lập hệ thống thu thập và cung cấp thông tin ngành nghề.

- Thiết lập bộ phận nghiên cứu, phân tích và dự báo kinh tế

❖ Nâng cao vai trò của công tác kiểm soát nội bộ

- Bộ phận giám sát từ xa cần linh hoạt hơn.

- Điều chỉnh tiêu chí đánh giá cuối năm của nhân viên.

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ của nhân viên Kiểm soát tại chi nhánh.

- Nhân viên Kiểm soát phải thực sự có bản lĩnh, cả về trình độ nghiệp vụ lẫn việc ứng xử giữa các mối quan hệ.

❖ Hạn chế, bù đắp tổn thất khi rủi ro xảy ra:

- Xử lý nợ có vấn đề

- Sử dụng các công cụ bảo hiểm và bảo đảm tiền vay

- Thực hiện nghiêm túc việc phân loại nợ và trích lập dự phòng

3.2.3. Nhóm giải pháp về nhân sự và cơ cấu tổ chức

a. Phân công công việc và trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ phận, các phòng ban

b. Xây dựng cơ chế trao đổi thông tin hiệu quả trong toàn hệ thống BIDV

c. Tiêu chuẩn hóa cán bộ làm công tác tín dụng doanh nghiệp

3.2.4. Nhóm giải pháp hỗ trợ

a. Đối với Hội sở chính

- Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin.
- Chuẩn hóa văn bản, quy chế, quy định liên quan về tín dụng.
- Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cho phù hợp với thực tế.

- Ban hành quy chế xử lý trách nhiệm trong hoạt động cấp tín dụng để có chế tài răn đe xử phạt cá nhân và tập thể có vi phạm và để xảy ra tổn thất.

b. Đối với chi nhánh

- Tuân thủ Quy chế cho vay và Quy trình cấp tín dụng
- Phát huy tối đa vai trò tuân thủ tính độc lập trong kiểm tra, kiểm soát hồ sơ.

- Nâng cao ý thức trách nhiệm cán bộ trong việc nghiêm túc tuân thủ các quy định, quy trình về nghiệp vụ cấp tín dụng.

3.3. KIẾN NGHỊ ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VÀ CHÍNH PHỦ

3.3.1. Kiến nghị đối với Chính Phủ

- Tránh tình trạng thắt chặt hoặc nới lỏng quá mức, thay đổi định hướng đột ngột các chính sách.

- Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật như hệ thống thông tin, kiểm toán, kế toán theo chuẩn mực quốc tế...

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đảm bảo an toàn cho hoạt động TDNH.

- Sớm ban hành khuôn khổ pháp lý cho hoạt động của công ty xếp hạng tín nhiệm.

- Tòa án, thi hành án, bộ, ngành, cơ quan địa phương tạo điều kiện hỗ trợ quá trình thực hiện các biện pháp xử lý nợ.

3.3.2. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà Nước

- Cần đẩy nhanh tiến trình cơ cấu lại và lành mạnh hóa tài chính các ngân hàng quốc doanh.

- Nghiên cứu và triển khai các công cụ bảo hiểm tín dụng như Hoán đổi tín dụng (credit swap)... .

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật ngân hàng:

- Điều hành chính sách tiền tệ hiệu quả

- Công tác thanh tra: tiếp tục triển khai đổi mới công tác thanh tra, giám sát ngân hàng; Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các văn bản pháp lý;

- Hoàn thiện lại hệ thống thông tin tín dụng của ngành NH (CIC)

KẾT LUẬN

Khủng hoảng tài chính của Châu Á năm 1997 bắt nguồn từ Thái Lan, khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 bắt đầu từ phố Walls của Mỹ... dù do nhiều nguyên nhân nhưng căn bản nhất vẫn là do hoạt động tín dụng của hệ thống ngân hàng. Với cường quốc tài chính như Mỹ nhưng vẫn lâm vào khủng hoảng trầm trọng do các khoản nợ cho vay dưới chuẩn vì khả năng đánh giá rủi ro không chính xác.

Nói riêng tới Việt Nam, từ những vụ án liên quan đến TDNH như Epcó Minh Phụng, hoặc gần đây nhất là vụ một công ty “ma” rút vốn 40 tỷ đồng của 3 ngân hàng lớn gồm Vietinbank, VCB, Agribank, đều xuất phát từ công tác QTRTD DN không hiệu quả và chặt chẽ.

Điều đó cho thấy, trong điều kiện kinh tế phát triển không ngừng, dù đã trải qua nhiều bài học kinh nghiệm, nhưng hoạt động QTRTD DN chưa bao giờ là đủ. Với tác động sâu rộng và mạnh mẽ của RRTD DN, tùy từng giai đoạn mức độ phát triển, mà ngân hàng phải luôn củng cố hoàn thiện công tác QTRTD DN, để vừa có lợi nhuận vừa đảm bảo an toàn tài chính cho ngân hàng.

Trên cơ sở đó vận dụng các phương pháp nghiên cứu, bám sát mục tiêu, phạm vi nghiên cứu, luận văn đã hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Tìm hiểu các lý luận cơ bản về RRTD, quản trị RRTD doanh nghiệp tại NHTM.

- Luận văn nghiên cứu tổng quát về tổ chức và hoạt động của BIDV Khánh Hòa, đi sâu phân tích thực trạng công tác quản trị RRTD DN tại BIDV Khánh Hòa trong giai đoạn 2010-2012. Qua đó

đánh giá được những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại trong công tác quản lý RRTD DN tại BIDV Khánh Hòa;

- Trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý RRTD DN tại BIDV Khánh Hòa, luận văn đã đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác QR RRTD DN nhằm hạn chế RRTD DN tại BIDV Khánh Hòa trong thời gian tới.